

Bản án số: 52/2024/DSST

Ngày: 26/9/2024

(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam

Ông Phan Ngọc Đài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Gián Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 113/2024/TLST-DS ngày 05/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐHPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Mai Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số E N, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồi P, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số E N, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Dương Hữu K, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Ông Nguyễn Huy H (Có mặt).

Địa chỉ: D H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồi P trình bày: Khoảng tháng 6/2023, do thấy hoàn cảnh gia đình ông Dương Hữu K khó khăn nên mẹ tôi là bà Mai Thị T đã cho ông K mượn tiền để cho con gái ông K là Dương Thị H1 đi du

học Úc. Các khoản tiền, vàng mà bà T đã cho ông K mượn để phục vụ việc con gái của ông K đi du học Úc, như sau: 01 dây chuyền gần 04 cây vàng 9999 (3,78 cây vàng 9999); tiền mặt đưa 03 lần tổng là 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng), ông K có viết giấy vay vàng ngày 21/6/2023 thể hiện việc mượn vàng, tiền của bà T.

- Ngoài ra, bà T còn cho ông K mượn nhiều lần với tổng số tiền 154.000.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu đồng). Số tiền này bà T nói tôi và em rể tôi là Nguyễn Minh T1 chuyển tiền vào số tài khoản ngân hàng của K. Ngoài ra, bà T còn nói tôi đưa cho K mượn thêm 02 lần tiền đô (Lần 1: 1.000 đô Úc; Lần 2: 2.000 đô Úc). Những lần mượn tiền này, tôi tin tưởng ông K là người đàng hoàng nên không yêu cầu ông K viết giấy mượn tiền mà đồng ý để ông K tự viết kê vào giấy các khoản đã mượn.

Do tình hình chính trị, chính phủ³ không cho du học sinh nhập học nên Công ty D đã trả lại tiền mà ông K đã đóng. Biết được việc này, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền, vàng đã mượn nhưng ông K cứ chây lỳ, trốn tránh, không chịu trả cho bà T. Vì vậy, bà T đã khởi kiện yêu cầu ông Dương Hữu K trả số 3.78 cây vàng 9999, số tiền 154.000.000 đồng và 3.000 đôla Úc. Tuy nhiên, do số tiền 78.000.000 đồng và 3.000 đôla² khi cho ông K mượn thì các bên không viết giấy nên bà T xin rút, không khởi kiện đối với số tiền này. Đối với số tiền 51.573.846 bị đơn đã trả cho nguyên đơn tại phiên tòa này tôi đồng ý rút đơn đối với số tiền 51.573.846 đồng này. Do đó, tại phiên hoà giải ngày hôm nay, với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Mai Thị T thì tôi yêu cầu Toà án buộc ông Dương Hữu K phải trả cho bà Mai Thị T 3.78 cây vàng 9999 và số tiền 76.000.000 đồng thì ông K đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn 51.573.846 còn lại 24.426.154 đồng, có giấy vay nợ. Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Hữu K trình bày: Tôi và T có quen biết tháng 7/2023 ông có mượn của bà T số vàng và bán được 203.000.000 đồng và vay số tiền 76.000.000 đồng. Số tiền này ông K nộp vào trường và lãnh sứ quán để lo cho ông và con ông đi lao động ở nước Úc. Đến tháng 3/2024 bà T bắt ông rút hồ sơ về và ông đã rút hồ sơ và nhà trường đã trả lại tiền cho ông là 324.783.000 đồng. Ông K cho rằng mình vay của bà T là 343.000.000 đồng và đã trả cho bà T 116.573.000 đồng và ông cho rằng hiện tại đang nợ bà T số tiền là 106.000.000 đồng. Tuy nhiên ông yêu cầu bà T phải trả cho ông các khoản chi phí thực tế vào việc làm thủ tục đi Úc cho ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ông Nguyễn Huy H đề nghị HĐXX xem xét các ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các

quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Căn cứ hồ sơ, kết quả hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 3.87 cây vàng 999.9 và số tiền gốc là 24.426.154 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nguyên đơn trình bày và cung cấp chứng cứ, khoảng tháng 6 năm 2023 giữa ông K có vay tiền của bà T số tiền là 154.000.000 đồng, 3.000. đô la Úc và 3.78 cây vàng 9999 không thỏa thuận lãi suất, mục đích cho vay là để ông K lo tiền đóng chi phí đi nước Úc.

Sau khi được biết ông K không đi nước Úc và đã được Công ty trả lại tiền cho ông K thì bà T yêu cầu ông K thanh toán nợ nhưng ông K vẫn không chịu trả. Vì vậy bà T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông K yêu cầu thanh toán số tiền là 154.000.000 đồng, 3.000. đô la Úc và 3.78 cây vàng 9999 vì vậy đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Được qui định tại Điều 463 BLDS. Về giao dịch dân sự giữa nguyên đơn bà T và ông K là giao dịch hợp đồng vay tài sản. Giao dịch này được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, không lừa dối, ép buộc, không trái với đạo đức của xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần được pháp luật bảo vệ. Do ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả số tiền là: 24.426.154 đồng, và 3.78 cây vàng 9999 là có căn cứ. Ông K thừa nhận có 76.000.000 đồng, và 3.78 cây vàng 9999.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn có đơn xin rút phần khởi kiện đối với số tiền là 102.246.154 đồng và 3.000 đô la Úc việc rút đơn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần đình chỉ đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn. HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị T buộc ông Dương Hữu K phải trả cho bà T số tiền là 24.246.153 đồng và 3.78 cây vàng 9999.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu bà T phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần và các chi phí làm thủ tục đi nước Úc và yêu cầu ông Nguyễn Hồi P trả lại số tiền 35.000.000 đồng mà ông P đã mua xe của bị đơn. HĐXX xét thấy các quan hệ tranh chấp này không liên quan đến nội dung câu vụ án này, nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Trương hợp bị đơn cho rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm thì có thể khởi kiện bằng một vụ dân sự khác.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên bị đơn ông Dương Hữu K phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với số tiền 24.246.153 đồng x 5% = 1.212.000 đồng. Và vàng 3.78 cây vàng 9999 x

82.000.000 đồng/1 lượng = 302.400.000 đồng x 5% = 15.120.000 đồng. Tổng số tiền án phí ông Dương Hữu K phải chịu là 16.332.000 đồng. Nguyên đơn thuộc đối tượng người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 ; Điều 162; Điều 184 BLTTDS. Điều 463; Điều 465; Điều 466 BLDS. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí ,lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T.
2. Buộc ông Dương Hữu K phải trả cho bà Mai Thị T số tiền là 24.246.153 đồng và 3.78 cây vàng 9999.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Dương Hữu K trả số tiền 102.246.154 đồng và 3.000 đô la Úc.

4. Về án phí: Ông Dương Hữu K phải chịu 16.332.000 đồng án phí DSST có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Minh Thuận